

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận học viên cao học khóa năm 2023
của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐĐH ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế, Nghị quyết số 50/NQ-HĐĐH ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định số 1538/QĐ-ĐHH ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-HĐTSSĐH ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc công nhận điểm chuẩn trúng tuyển của các ngành trong kỳ tuyển sinh cao học đợt 4 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh sau đại học Đại học Huế năm 2023;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm tại Công văn số 59/ĐHSP-ĐTSSĐH ngày 10 tháng 01 năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận **101** (Một trăm lẻ một) thí sinh đã trúng tuyển trong kỳ tuyển sinh cao học đợt 4 năm 2023 tại Đại học Huế là học viên cao học khóa năm 2023 của Trường Đại học Sư phạm (Danh sách học viên kèm theo).

Hình thức đào tạo: theo học chế tín chỉ.

Điều 2. Học viên có tên trong danh sách ở Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định có liên quan đồng thời được hưởng các quyền lợi được quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đại học Huế; Trưởng các Ban: Đào tạo và Công tác sinh viên; Thanh tra và Pháp chế, Kế hoạch, Tài chính và Cơ sở vật chất; Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm và học viên có tên trong danh sách ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, ĐTCTSV. HĐTSSĐH.NĐP.

GIÁM ĐỐC

Lê Anh Phương

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHOÁ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHH ngày tháng 01 năm 2024
của Giám đốc Đại học Huế)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

STT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành đào tạo
1	Hoàng Hoài	Giang	Nữ	24/12/1987	Thừa Thiên Huế	Giáo dục học
2	Trần Thị Thúy	Hằng	Nữ	23/11/1993	Thừa Thiên Huế	Giáo dục học
3	Đặng Thị	Huyền	Nữ	11/01/1993	Thừa Thiên Huế	Giáo dục học
4	Võ Thị	Huyền	Nữ	04/7/1990	Thừa Thiên Huế	Giáo dục học
5	Phan Thị	Mơ	Nữ	20/9/1991	Thừa Thiên Huế	Giáo dục học
6	Văn Thị Hồng	Nhạn	Nữ	05/6/1994	Thừa Thiên Huế	Giáo dục học
7	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	17/11/2000	Thừa Thiên Huế	Giáo dục học
8	Trần Thị Phương	Oanh	Nữ	23/11/2000	Thừa Thiên Huế	Giáo dục học
9	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	Nữ	04/4/2000	Quảng Bình	Giáo dục học
10	Lê Thị Mỹ	Tâm	Nữ	15/4/2000	Quảng Bình	Giáo dục học
11	Phạm Thị	Thom	Nữ	08/8/1991	Thừa Thiên Huế	Giáo dục học
12	Phan Thị	Uyển	Nữ	30/10/2000	Quảng Bình	Giáo dục học
13	Lê Thị Khánh	Vân	Nữ	14/02/2001	Quảng Bình	Giáo dục học
14	Đinh Thị Tiệp	Ý	Nữ	03/3/1984	Kiên Giang	Lý luận và PPDH bộ môn Địa lý
15	Lại Thị Nhật	Nguyệt	Nữ	12/02/1996	Khánh Hoà	Lý luận và PPDH bộ môn Hoá học
16	Lê Công	Nguyên	Nam	13/10/2000	Thừa Thiên Huế	Lý luận và PPDH bộ môn Lịch sử
17	Hồ	Quang	Nam	04/9/2001	Thừa Thiên Huế	Lý luận và PPDH bộ môn Toán học
18	Trần Gia	Thanh	Nữ	09/02/2000	Thừa Thiên Huế	Lý luận và PPDH bộ môn Toán học
19	Lê Ngọc Chí	Tường	Nam	03/01/2001	Thừa Thiên Huế	Lý luận và PPDH bộ môn Toán học
20	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	28/7/1997	Quảng Nam	Lý luận và PPDH bộ môn Vật lý
21	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	16/10/2001	Nghệ An	Lý luận và PPDH bộ môn Văn - tiếng Việt
22	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	18/3/1992	Quảng Trị	Lý luận văn học
23	Đặng Trần Tuyết	Trinh	Nữ	10/01/2001	Thừa Thiên Huế	Lý luận văn học
24	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	10/10/1995	TP Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục
25	Phạm Thị Ngọc	Duyên	Nữ	15/01/1979	Bình Dương	Quản lý giáo dục
26	Trần	Đính	Nam	11/8/1989	Thừa Thiên Huế	Quản lý giáo dục

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

STT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành đào tạo
27	Lê Hồng	Hải	Nam	22/4/1997	TP Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục
28	Võ Thị	Hải	Nữ	04/5/1985	Hà Tĩnh	Quản lý giáo dục
29	Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	13/6/1995	Hải Dương	Quản lý giáo dục
30	Huỳnh Thị Thúy	Hiên	Nữ	14/3/1990	TP Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục
31	Nguyễn Thái	Hùng	Nam	29/4/1975	TP Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục
32	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	02/9/1995	Ninh Thuận	Quản lý giáo dục
33	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	26/4/1986	Nghệ An	Quản lý giáo dục
34	Vũ Thị	Là	Nữ	21/02/1982	Nam Định	Quản lý giáo dục
35	Phan Thị	Lài	Nữ	16/11/1979	Lâm Đồng	Quản lý giáo dục
36	Nguyễn Thùy	Linh	Nam	26/12/1984	Quảng Ngãi	Quản lý giáo dục
37	Trần Thiên	Lộc	Nam	02/02/1975	Đà Nẵng	Quản lý giáo dục
38	Đỗ Thị Ngọc	Luyên	Nữ	20/4/1976	Quảng Bình	Quản lý giáo dục
39	Nguyễn Huy	Phong	Nam	09/6/1976	Tp. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục
40	Lê Văn	Phước	Nam	28/8/1996	Long An	Quản lý giáo dục
41	Nguyễn Xuân	Quang	Nam	24/4/1993	Thừa Thiên Huế	Quản lý giáo dục
42	Khuru Hoàng	Tâm	Nam	31/12/1983	Bình Dương	Quản lý giáo dục
43	Hoàng Đức	Thanh	Nam	27/02/1976	TP Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục
44	Nguyễn Ngọc Thuý	Thanh	Nữ	07/8/1996	Bình Dương	Quản lý giáo dục
45	Trương Thị Mỹ	Thanh	Nữ	20/02/1990	Bình Dương	Quản lý giáo dục
46	Nguyễn Thị	Thom	Nữ	20/7/1979	TP Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục
47	Lý Chung	Thủy	Nữ	20/9/1997	Lâm Đồng	Quản lý giáo dục
48	Đoàn Thị Huyền	Trang	Nữ	15/02/1977	Quảng Ngãi	Quản lý giáo dục
49	Hoàng Thị Xuân	Trang	Nữ	28/11/1977	Đồng Nai	Quản lý giáo dục
50	Nguyễn Thị Thuý	Trang	Nữ	14/02/1986	Hải Phòng	Quản lý giáo dục
51	Ngô Thuý	Trinh	Nữ	14/10/1983	TP Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục
52	Lý Thanh	Xuân	Nữ	22/11/1981	Bình Dương	Quản lý giáo dục
53	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	03/10/1999	Hà Tĩnh	Tâm lý học
54	Trương Thị Tâm	Anh	Nữ	24/10/1988	Thừa Thiên Huế	Tâm lý học
55	Vũ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	24/7/1988	Bắc giang	Tâm lý học
56	Trần Lưu	Bảo	Nam	23/4/1992	Thừa Thiên Huế	Tâm lý học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

STT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành đào tạo
57	Nguyễn Thanh	Châu	Nữ	15/4/1974	Tiền Giang	Tâm lý học
58	Mai Thị Quỳnh Khắc	Diệp	Nữ	08/3/1992	Gia Lai	Tâm lý học
59	Trần Quốc	Dũng	Nam	29/7/1987	Quảng Bình	Tâm lý học
60	Huỳnh Lam Trà	Giang	Nữ	07/6/1982	An Giang	Tâm lý học
61	Nguyễn Vũ Thùy	Giang	Nữ	23/01/1982	Đắk Nông	Tâm lý học
62	Nguyễn Ngọc	Hải	Nam	15/9/1978	Hung Yên	Tâm lý học
63	Lê Thị Lan	Hạnh	Nữ	13/4/1996	Đắk Lắk	Tâm lý học
64	Đỗ Ngọc	Hân	Nam	01/6/2000	Phú Yên	Tâm lý học
65	Phan Thị	Hiền	Nữ	20/7/1987	Hà Tĩnh	Tâm lý học
66	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	05/3/1986	Thanh Hóa	Tâm lý học
67	Lê Đỗ Yến	Hương	Nữ	16/6/1976	Long An	Tâm lý học
68	Trần Thị Ngọc	Hương	Nữ	22/6/1979	Bắc Giang	Tâm lý học
69	Lê Thị	Hường	Nữ	06/4/1975	Thái Bình	Tâm lý học
70	Vũ Thị Hương	Lan	Nữ	28/9/1995	Quảng Ninh	Tâm lý học
71	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	29/8/1985	Hà Nội	Tâm lý học
72	Nguyễn Thị Thanh	Minh	Nữ	15/02/1970	Hà Nội	Tâm lý học
73	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	16/5/1993	TP Hồ Chí Minh	Tâm lý học
74	Son Thị Thanh	Ngân	Nữ	06/02/1997	Trà Vinh	Tâm lý học
75	Đào Hồng	Ngọc	Nữ	27/3/1992	Hà Nội	Tâm lý học
76	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	22/9/1996	Vĩnh Phú	Tâm lý học
77	Thân Thị Thanh	Nhân	Nữ	01/7/2001	Thừa Thiên Huế	Tâm lý học
78	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	10/6/1986	Hải Phòng	Tâm lý học
79	Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	29/5/1981	Quảng Ngãi	Tâm lý học
80	Phạm Huỳnh	Như	Nữ	05/4/1991	Bạc Liêu	Tâm lý học
81	Đỗ Thị Hải	Phương	Nữ	16/01/1984	Nam Định	Tâm lý học
82	Trương Xuân	Quý	Nam	03/3/2000	Đà Nẵng	Tâm lý học
83	Nguyễn Thanh	Tân	Nữ	05/3/1985	Quảng Ninh	Tâm lý học
84	Lê Văn	Thành	Nam	05/8/1999	Thừa Thiên Huế	Tâm lý học
85	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	20/3/1973	TP Hồ Chí Minh	Tâm lý học
86	Nguyễn Vương Thị	Thảo	Nữ	26/7/1980	Phú Yên	Tâm lý học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành đào tạo
87	Võ Thị Thu Thảo	Nữ	01/01/1998	Thừa Thiên Huế	Tâm lý học
88	Trần Thị Bích Thu	Nữ	06/10/1989	Long An	Tâm lý học
89	Trần Thị Phương Thủy	Nữ	06/10/1984	Kiên Giang	Tâm lý học
90	Vũ Thị Thúy	Nữ	23/5/1991	Hải Dương	Tâm lý học
91	Hà Thị Thương	Nữ	01/01/1986	Đắk Lắk	Tâm lý học
92	Nguyễn Minh Tiến	Nam	16/5/1980	Hải Phòng	Tâm lý học
93	Quản Trọng Tiến	Nam	20/5/1998	Cà Mau	Tâm lý học
94	Lê Đình Toản	Nam	05/4/1989	Đắk Lắk	Tâm lý học
95	Chu Thị Mai Trang	Nữ	01/01/1978	Hà Tĩnh	Tâm lý học
96	Dương Thị Trang	Nữ	24/7/1990	Hưng Yên	Tâm lý học
97	Tạ Thị Thu Trang	Nữ	17/11/1982	Phú Thọ	Tâm lý học
98	Trịnh Thụy Thùy Trang	Nữ	21/4/1987	Lâm Đồng	Tâm lý học
99	Lê Thị Bích Trâm	Nữ	10/12/1984	Bình Định	Tâm lý học
100	Lưu Phương Uyên	Nữ	22/10/1995	Kiên Giang	Tâm lý học
101	Phạm Thị Thanh Vân	Nữ	22/6/1975	TP Hồ Chí Minh	Tâm lý học

Tổng danh sách có 101 học viên./.

GIÁM ĐỐC

Lê Anh Phương